TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/03/2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tuyệt.
2. Ông Hoàng Xuân Tỵ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đinh Duy Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh.

Hôm nay, ngày 24 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp "*Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Nguyệt H**, sinh năm 1983
Nơi cư trú: Số nhà 109 đường N, xã L, thành phố B, tỉnh L. (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông **Trần Văn Nh**, sinh năm 1977
Nơi cư trú: Số nhà 109 đường N, xã L, thành phố B, tỉnh L. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện,các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị Nguyệt H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn N kết hôn với nhau từ năm 2002 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh L, hôn nhân tự nguyện, quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, ông N thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn không quan tâm tới vợ con, thậm chí ông N còn đánh đập bà, kinh tế gia đình chủ yếu do bà gánh vác mà không nhận được sự san sẻ giúp đỡ từ ông N, dù đã nhiều lần cố gắng nhờ gia đình khuyên can ông N thay đổi nhưng không đạt kết quả gì. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông Trần Văn N.

Về con chung: Bà và ông N có 04 con chung tên Trần Ngọc N, sinh năm 2003 (đã thành niên); Trần Mai Trúc L, sinh ngày 03/01/2006; Trần Nhật Q, sinh ngày 04/06/2014 và Trần Lâm Tâm N, sinh ngày 09/07/2017. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung chưa thành niên là cháu L, Q và N đến khi các con thành niên, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Văn N nhiều lần nhưng ông N không tới Tòa làm việc, bà H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải do đó Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án như sau: Về tố tụng: thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Về nội dung vụ án: yêu cầu của bà H được ly hôn với ông N là có cơ sở chấp nhận; đề nghị giao con chung tên Trần Mai Trúc L, sinh ngày 03/01/2006; Trần Nhật Q, sinh ngày 04/06/2014 và Trần Lâm Tâm N, sinh ngày 09/07/2017 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lâm Thị Nguyệt H khởi kiện yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông Trần Văn N, địa chỉ: Số nhà 109 đường N, xã L, thành phố B, tỉnh L. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Nguyệt H và ông Trần Văn N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn đúng theo qui định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của người làm chứng đều thừa nhận quá trình chung sống ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông N thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn và đánh đập bà H, trong việc làm ăn kinh tế gia đình và chăm sóc con cái đều do bà H gánh vác, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, mặc dù đã nhiều lần cố gắng nhưng không có biện pháp khắc phục được mâu thuẫn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ và hợp pháp.

[3]. Về nuôi con chung: Bà H và ông N có 04 con chung tên Trần Ngọc N, sinh năm 2003 (đã thành niên); Trần Mai Trúc L, sinh ngày 03/01/2006; Trần Nhật Q, sinh ngày 04/06/2014 và Trần Lâm Tâm N, sinh ngày 09/07/2017. Bà H yêu cầu có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu 03 con chung chưa thành niên. Xét cháu L có nguyện vọng ở với mẹ; cháu Q, N còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, đồng thời qua xác minh được biết từ trước đến nay việc chăm sóc các con đều do bà H chăm sóc. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Trần Mai Trúc L, sinh ngày 03/01/2006; Trần Nhật Q, sinh ngày 04/06/2014 và Trần Lâm Tâm N, sinh ngày 09/07/2017 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự khai không có. Trong quá trình giải quyết không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51 và Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lâm Thị Nguyệt H và ông Trần Văn N.

2. Về con chung: Bà H và ông N có 04 con chung tên Trần Ngọc N, sinh năm 2003 (đã thành niên); Trần Mai Trúc L, sinh ngày 03/01/2006; Trần Nhật Q, sinh ngày 04/06/2014 và Trần Lâm Tâm N, sinh ngày 09/07/2017. Giao 03 con chung tên Trần Mai Trúc L, sinh ngày 03/01/2006; Trần Nhật Q, sinh ngày 04/06/2014 và Trần Lâm Tâm N, sinh ngày 09/07/2017 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Lâm Thị Nguyệt H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004615 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc (Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, điều 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
	Nguyễn Thị Nguyệt